



CÔNG TY CP ĐTPT DV CTCC
ĐỨC LONG GIA LAI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

Gia Lai, ngày 24 tháng 04 năm 2017

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	1
1. Thông tin khái quát	1
2. Quá trình hình thành và phát triển	1
a) Việc thành lập	1
b) Các sự kiện khác gắn với lịch sử hình thành và phát triển của Công ty	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	5
a) Ngành nghề kinh doanh	5
b) Địa bàn kinh doanh	6
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	6
a) Mô hình quản trị - Cơ cấu bộ máy quản lý	7
b) Các công ty con, công ty liên kết	7
5. Định hướng phát triển	8
a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty	8
b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn	8
c) Các mục tiêu phát triển bền vững	9
6. Các rủi ro	9
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	10
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	10
2. Tổ chức và nhân sự	11
a) Danh sách Ban điều hành	11
b) Những thay đổi trong Ban điều hành	16
c) Chính sách đối với người lao động	17
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án lớn	17
a) Các khoản đầu tư	17
b) Các công ty con	17
4. Tình hình tài chính	17
a) Tình hình tài chính	17
b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	18
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	19
a) Cổ phần	19
b) Cơ cấu cổ đông	19
c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	20
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	20

a.	Chính sách liên quan đến người lao động.....	20
b.	Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương.....	20
III.	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	20
1.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	20
2.	Tình hình tài chính.....	22
3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	22
4.	Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	23
5.	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty....	24
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	25
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	25
2.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ban Giám đốc Công ty...	26
3.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	27
V.	QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	27
1.	Hội đồng quản trị.....	27
a)	Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị.....	27
b)	Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	28
c)	Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	28
d)	Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.....	29
e)	Hoạt động của tiểu ban trong Hội đồng quản trị.....	29
2.	Ban kiểm soát.....	29
a)	Thành viên cơ cấu Ban kiểm soát.....	29
b)	Hoạt động của Ban kiểm soát.....	29
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.....	30
a)	Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích.....	30
b)	Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và những người liên quan.....	31
c)	Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty.....	31
VI.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	32
1.	Ý kiến kiểm toán.....	32
2.	Báo cáo tài chính đã kiểm toán.....	33

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý nhà đầu tư, cổ đông, khách hàng và đối tác!

Lời đầu tiên, thay mặt toàn thể Công ty CP ĐTPT DVCTCC Đức Long Gia Lai, tôi xin gửi lời kính chúc sức khỏe và hạnh phúc đến Quý vị và gia đình. Chúng tôi chân thành cảm ơn sự tin yêu, đồng hành của Quý vị cùng Công ty trong suốt thời gian qua và chúng tôi mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ, hỗ trợ nhiều hơn nữa trong thời gian tới.

Công ty CP ĐTPT DVCTCC Đức Long Gia Lai đã trải qua 11 năm hình thành và phát triển với những thành quả đạt được đáng trân trọng. Với nhiệm vụ cung cấp dịch vụ vận chuyển và bến bãi vận tải đường bộ cho khách hàng, Công ty tự hào khi luôn giữ được giá trị cốt lõi trong suốt 11 năm qua. Dù phải đối mặt với nhiều biến động kinh tế vĩ mô trong nước và trong chính những thách thức khắc nghiệt của thị trường với những rủi ro tiềm ẩn của môi trường kinh doanh, Công ty luôn tìm thấy những cơ hội phát triển dựa trên những lợi thế cạnh tranh từ chính năng lực nội tại của mình.

Với triết lý “**Doanh nghiệp chỉ tồn tại và phát triển khi tạo ra những giá trị phục vụ cho xã hội. Nhân sự chỉ thành công và hạnh phúc khi có những giá trị đóng góp cho doanh nghiệp, cho tổ chức**”. vì vậy Công ty xem việc tổ chức tạo ra một sản phẩm dịch vụ có chất lượng như là một cam kết và yếu tố tất yếu tạo ra niềm tin yêu của khách hàng và cộng đồng xã hội, từ đó tạo ra những bước chuyển mình mạnh mẽ, đưa Công ty hướng đến mục tiêu “**Nâng tầm cao mới - Vững tiến xa hơn**”. Tất cả cán bộ nhân viên trong Công ty cùng nhau quyết tâm tạo dựng thương hiệu DL1 trở thành niềm tự hào không chỉ cho chúng ta, mà còn có khả năng đại diện cho ngành dịch vụ vận chuyển và bến bãi ô tô của đất nước.

Có được thành công hôm nay, chúng tôi vô cùng biết ơn quý vị cổ đông, quý khách hàng và đối tác đã cùng chúng tôi đồng hành, chung một con đường, chung một tương lai trong suốt 11 năm qua. Thành công hôm nay của Công ty CP ĐTPT DVCTCC Đức Long Gia Lai, là quyết tâm làm việc hết mình, làm việc đến cùng của nhiều thế hệ cán bộ, nhân viên và bước đầu đã hình thành một thương hiệu DL1 và đã được khẳng định tên tuổi trên thị trường Việt Nam.

Một lần nữa, cho phép tôi thay mặt Công ty CP ĐTPT DVCTCC Đức Long Gia Lai, xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới quý khách hàng, quý cổ đông và các đối tác đã đồng hành cùng Công ty trên bước đường phát triển để có được những thành công như ngày hôm nay. Chúng tôi luôn đặt quyền lợi của cổ đông là mục tiêu phấn đấu cao nhất và cam kết sẽ luôn xứng đáng với sự tin cậy của Quý cổ đông, khách hàng và đối tác.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Cao Châu

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI.**
- Tên tiếng nước ngoài: **DucLong GiaLai Investment and Development of Public project Service JSC.**
- Tên viết tắt: **DLGL INDPS**
- Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp số: **5900437257**
- Vốn điều lệ: **168.924.880.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **168.924.880.000 đồng**
- Trụ sở chính: **43 Lý Nam Đế, P. Trà Bá, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai.**
- Điện thoại: **(84.59) 3829.021** Fax: **(84.59) 3829.021**
- Website: **<http://www.dl1.com.vn>**
- Email: **hoates@duclonggroup.com**
- Mã chứng khoán: **DL1**

2. Quá trình hình thành và phát triển

a) Việc thành lập

❖ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai tiền thân là Chi nhánh Bến xe Liên tỉnh Đức Long Gia Lai thuộc Xí nghiệp Tư doanh Đức Long Gia Lai, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3911000152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 20/12/2005.

❖ Ngày 07/11/2006, Sở Giao thông Vận tải Tỉnh Gia Lai đã ban hành Quyết định số 61/QĐ-SGTVT v/v xếp loại Bến xe Liên tỉnh Đức Long Gia lai đạt tiêu chuẩn Bến xe Loại I.

❖ Ngày 29/10/2009, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai đã được UBCKNN chấp thuận trở thành công ty đại chúng.

❖ Công ty chính thức được thành lập và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000170 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 21/12/2007, số ĐKKD thay đổi 5900437257 cấp lần thứ 15 vào ngày 20/09/2016.



Quá trình tăng vốn điều lệ

STT	Thời gian	Vốn điều lệ (Đồng)	Phương thức
1.	Ngày 21/12/2007	9.500.000.000	Góp vốn thành lập công ty.
2.	Ngày 16/10/2009	15.000.000.000	Phát hành riêng lẻ thêm 5,5 tỷ đồng, tăng vốn điều lệ lên 15,0 tỷ đồng.
3.	Ngày 02/12/2010	18.000.000.000	Chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2009 là 300.000 Cổ phiếu tương đương với 3 tỷ đồng.
4.	Ngày 16/01/2012	20.699.940.000	Chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2010 là 269.994 cổ phiếu tương đương với 2.699.940.000 đồng.
5.	Ngày 06/12/2012	24.839.360.000	Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2011 là 413.942 cổ phiếu tương đương với 4.139.420.000 đồng.
6.	Ngày 15/11/2013	28.564.540.000	Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2012 là 372.590 cổ phiếu tương đương với 3.725.900.000 đồng.
7.	Ngày 12/12/2014	31.420.260.000	Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2013 là 285.572 cổ phiếu tương đương với 2.855.720.000 đồng.
8.	Ngày 01/04/2016	152.186.560.000	Phát hành 12.076.630 cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi với Công ty CP khoáng sản và luyện kim Tây Nguyên tương đương với 120.766.300.000 đồng.
9.	Ngày 29/07/2016	168.924.880.000	Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2015 và phát hành cổ phiếu để tăng vốn vổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu là 1.673.832 cổ phiếu tương đương 16.738.320.000 đồng.

b) Các sự kiện khác gắn với lịch sử hình thành và phát triển của Công ty

Đợt 1: Góp vốn thành lập Công ty

- Căn cứ Biên bản họp cổ đông sáng lập ngày 29/11/2007 về việc thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.

- Số vốn góp: 9.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ năm trăm triệu đồng).
- Số cổ đông sáng lập: 04 cổ đông
- Vốn điều lệ: 9.500.000.000 đồng
- Trong đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai góp 8,2 tỷ đồng bằng giá trị tài sản thuộc Bên xe Đức Long Gia Lai theo Biên bản góp vốn ngày 08/01/2007 (không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất).

Đợt 2: Phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ lên 15 tỷ đồng

- Căn cứ Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2009 ngày 15/09/2009 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.

- **Số cổ phần phát hành:** 5.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ năm trăm triệu đồng).

- **Loại cổ phần:** Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.
- **Mệnh giá cổ phần:** 10.000 đồng/cổ phần.
- **Hình thức phát hành:** Phát hành riêng lẻ (cho 94 cổ đông)
- **Đối tượng phát hành:**

- **CBCNV Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai**

- Số lượng: 337.200 cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- Số lượng cổ đông: 35 người.

- **CBCNV Công ty:**

- Số lượng: 55.000 cổ phần.
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- Số lượng cổ đông: 48 người.

- **Nhà đầu tư khác:**

- Số lượng: 157.800 cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.

- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.

- Số lượng cổ đông: 11 người.

- **Vốn điều lệ sau phát hành:** 15.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng)

Đợt 3: Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu: Với tỷ lệ 10:2 nhằm tăng vốn điều lệ từ 15 tỷ đồng lên 18 tỷ đồng.

✚ **Niêm yết:**

- ❖ Ngày 10/03/2010, Công ty chính thức niêm yết 1.500.000 cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hà Nội (HNX) với mã Chứng khoán là DL1.

- ❖ Ngày 02/12/2010, ngày giao dịch đầu tiên của 300.000 Cổ phiếu chia cổ tức để tăng vốn điều lệ Công ty lên 18 tỷ đồng.

Đợt 4: Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu: Với tỷ lệ 20:3 nhằm tăng vốn điều lệ từ 18 tỷ lên 20.699.940.000 VND.

Đợt 5: Chia trả cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu: Với tỷ lệ 10:2 nhằm tăng vốn điều lệ từ 20.699.940.000 VND lên 24.839.360.000 đồng.

Đợt 6: Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu: Với tỷ lệ 20:3 nhằm tăng vốn điều lệ từ 24.839.360.000 đồng lên 28.564.540.000 đồng.

Đợt 7: Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu: Với tỷ lệ 10:1 nhằm tăng vốn điều lệ 28.564.540.000 từ đồng lên 31.420.260.000 đồng.

Đợt 8: Phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi cổ phần:

- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 số 01-NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/05/2015 và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02-NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/10/2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.

- **Số cổ phiếu phát hành:** 12.076.630 cổ phiếu

- **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông hạn chế chuyển nhượng một năm.

- **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ.

- **Hình thức phát hành:** Phát hành riêng lẻ để hoán đổi cổ phần

- **Đối tượng phát hành:**

- **Công ty Cổ phần Khoáng sản và luyện kim Tây Nguyên**

- Số lượng: 12.076.630 cổ phần.

- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông hạn chế chuyển nhượng một năm.

- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.

o Số lượng cổ đông: 16 người.

- **Vốn điều lệ sau phát hành:** 152.816.560.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi hai tỷ, tám trăm mười sáu triệu, năm trăm sáu mươi ngàn đồng)

Đợt 9: Góp vốn vào Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku.

- Căn cứ vào quyết định số 03/QĐ-HĐQT ngày 06/04/2016 về việc tham gia góp vốn và ủy quyền người quản lý vốn góp tại Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku.

- Số vốn góp: 8.000.000.000 đồng (Tám tỷ đồng).

Đợt 10: Chia cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn thặng dư cho Cổ đông hiện hữu:

- Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu: Với tỷ lệ 100:5,5

- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn thặng dư cho Cổ đông hiện hữu: Với tỷ lệ 100:5,5

Nhằm tăng vốn điều lệ từ 152.816.560.000 đồng lên 168.924.880.000 đồng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a) Ngành nghề kinh doanh

✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ.

Chi tiết: + Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước;

+ Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;

✓ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

✓ Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

✓ Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.

Chi tiết: + Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu

+ Đại lý mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ.

✓ Vận tải hành khách bằng đường bộ khác

Chi tiết: + Vận tải hành khách theo tuyến cố định.

✓ Dịch vụ ăn uống khác.

✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;

✓ Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)

Chi tiết: + Vận tải hành khách bằng xe buýt.

✓ Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.

✓ Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

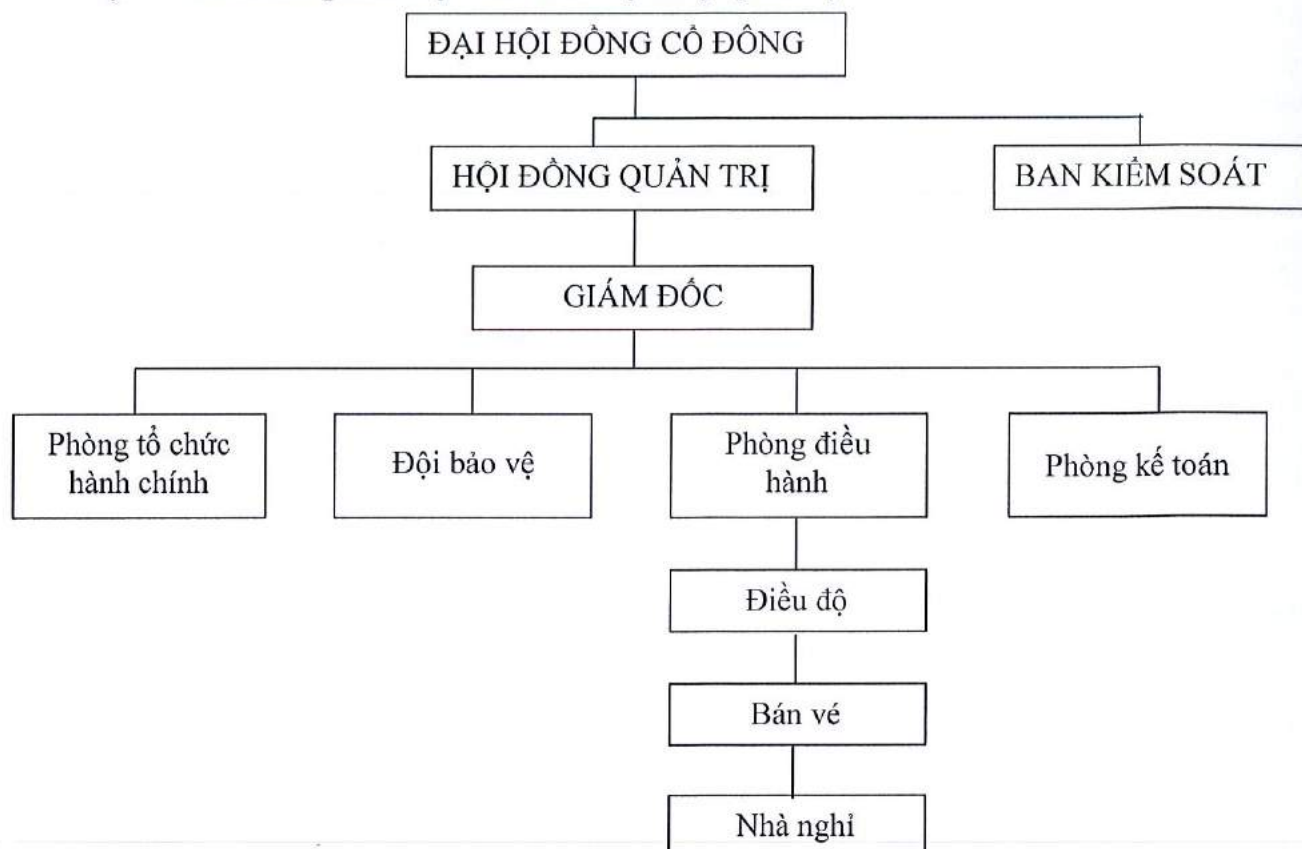
- ✓ Vận tải bằng xe buýt;
- ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng;
- ✓ Buôn bán tổng hợp. Chi tiết: Buôn bán hàng tiêu dùng;
- ✓ Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
Chi tiết: Mua bán thức ăn gia súc;
- ✓ Bán buôn kim loại và quặng kim loại.
- ✓ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Không mua bán gỗ);
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- ✓ Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ, đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT và BT);
- ✓ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Chi tiết: Sản xuất thức ăn gia súc;
- ✓ Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán phân bón;
- ✓ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- ✓ Cắt, tạo dáng và hoàn thiện đá.

b) Địa bàn kinh doanh

Hoạt động kinh doanh được thực hiện chủ yếu trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) Mô hình quản trị - Cơ cấu bộ máy quản lý



b) Các công ty con, công ty liên kết

Công ty có 2 công ty con gồm:

- Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Tây Nguyên

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô F6 khu Công nghiệp Trà Đa, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT, BT); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị chuyên dụng và phụ tùng ngành: Cầu đường, dân dụng và công nghiệp; Vận tải hàng hóa đường bộ; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước:

- Vốn điều lệ: 125.766.300.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 96,02%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 96,02%.

- **Công ty TNHH Phú Thánh Gia Pleiku.**

- Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Gia Lai.

- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, chi tiết: Sản xuất thức ăn gia súc; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Không mua bán gỗ; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Mua bán phân bón (Doanh nghiệp chỉ hoạt động ngành nghề này khi đảm bảo đầy đủ các quy định của pháp luật); Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ, Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT,BT); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, chi tiết: Bán buôn thức ăn gia súc; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 80%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 80%.

5. Định hướng phát triển

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và các chỉ tiêu của năm 2017 và các năm tiếp theo do Đại hội đề ra;

- Nâng cao chất lượng phục vụ hành khách, tạo điều kiện tốt nhất cho các doanh nghiệp vận tải và các đối tác hoạt động. Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong và ngoài khu vực bến xe;

- Nhanh chóng ổn định tổ chức sau khi hoán đổi cổ phiếu và triển khai có hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mới được sáp nhập;

- Làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước và nâng cao đời sống của người lao động.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn

DLGL INDPS sẽ thực hiện chiến lược thâm nhập và phát triển thị trường, lấy ngành nghề kinh doanh cốt lõi làm bàn đạp để thực hiện phát triển sang các lĩnh vực khác. Tập trung thật tốt công tác quản lý và triển khai các hoạt động dịch

vụ, mở rộng kinh doanh, đảm bảo tăng trưởng vượt bậc doanh thu và lợi nhuận, đáp ứng nhiều hơn nữa niềm kỳ vọng mà cổ đông tin tưởng. Trong tương lai, DLGL INDPS sẽ tập trung phát triển các lĩnh vực sau:

- Xây dựng và phát triển hệ thống bến xe bãi đỗ hiện đại và khu vực nhà ga hành khách khép kín, hiện đại với không gian thoáng mát tại khu vực Miền Trung – Tây Nguyên và nhân rộng mô hình này ra cả nước theo chủ trương xã hội hóa đầu tư của Chính phủ;

- Phát triển các dịch vụ kỹ thuật hỗ trợ cho phương tiện vận tải đường bộ;

- Phát triển kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách công cộng các tuyến nội tỉnh Gia Lai, đưa lĩnh vực này trở thành lĩnh vực kinh doanh thường xuyên của Doanh nghiệp;

- Phát triển các loại hình dịch vụ khác như cho thuê kiốt, cho thuê kho hàng hóa, cho thuê văn phòng và dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

- Thống nhất mục tiêu đưa doanh nghiệp phát triển bền vững là đa dạng hoá ngành nghề sản xuất kinh doanh ngoài ngành nghề kinh doanh truyền thống, đẩy mạnh hoạt động liên doanh liên kết, hợp tác đầu tư để huy động nguồn lực từ bên ngoài.

c) Các mục tiêu phát triển bền vững

Để đáp ứng yêu cầu phát triển theo chiến lược đề ra, DLGL INDPS cũng đã hoàn tất việc thiết lập, vận hành hệ thống chất lượng dịch vụ theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000. CBCNV của Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, tận tình phục vụ với phương châm “Bến xe là nhà, CBCNV là chủ”, Bến xe Liên tỉnh Đức Long Gia Lai hiệu quả cao hơn áp dụng quy trình quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000. Đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào quản lý từng đầu xe, từng đơn vị tạo lập phong cách vận tải văn minh, hiện đại góp phần khẳng định và nâng cao thương hiệu của bến cũng như các đơn vị vận tải trong nước. Công ty luôn thu hút nguồn nhân lực lớn, giúp giải quyết vấn đề việc làm cho nhiều người trong địa phương cũng như các tỉnh lân cận.

6. Các rủi ro

Năm 2016, dưới những tác động tiêu cực của nền kinh tế trên thế giới và trong nước cũng ảnh hưởng trực tiếp đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

Giá xăng, dầu là nguyên liệu đầu vào còn bấp bênh ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình kinh doanh của công ty.

Thói quen trong việc lựa chọn phương tiện di chuyển của người tiêu dùng thay đổi dẫn tới khó khăn trong công việc kinh doanh.

Các chính sách của Nhà Nước đối với các ngành nghề khoáng sản ngày càng thắt chặt bằng việc tăng các mức phí thu vào khiến tình hình sản xuất, khai thác gặp nhiều hạn chế.

Tình hình thời tiết diễn biến khắc nghiệt gây ra mưa bão, lũ lụt, ngập úng cũng làm ảnh hưởng không nhỏ đến các hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Công ty luôn chủ động theo dõi diễn biến thời tiết, môi trường để có các biện pháp hạn chế thiệt hại, đồng thời tích cực nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.

Nguồn lực về nhân sự quản lý của Công ty còn bị hạn chế, đội ngũ cán bộ quản lý còn mỏng, năng lực chuyên môn về quản lý còn chưa đáp ứng được với mô hình và quy mô phát triển hiện tại.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2016, nền kinh tế thế giới có xu hướng phục hồi, kinh tế trong nước tiếp tục hồi phục, lãi suất ngân hàng ổn định, thị trường chứng khoán khởi sắc, giá xăng dầu tuy có biến động nhưng ổn định hơn so với năm 2015... Tuy nhiên, vẫn còn đó một số khó khăn: Sức mua của thị trường giảm, giá cả vật tư và các mặt hàng khác có xu hướng không giảm, người dân thắt chặt chi tiêu đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và Công ty CP Đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai cũng không là ngoại lệ.

Năm 2016, Nhà nước tiếp tục đầu tư cho cơ sở hạ tầng, tập trung hoàn thiện các công trình kết cấu hạ tầng giao thông trên tất cả các lĩnh vực từ đường bộ - đường sắt - cảng biển - đường thủy và hàng không; đồng thời đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật nhằm chấn chỉnh và đưa hoạt động kinh doanh vận tải vào nề nếp, như: Thực hiện mạnh mẽ công tác kiểm soát tải trọng phương tiện, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong hoạt động vận tải, tạo sự hợp lý hơn trong thị phần vận tải, góp phần kiềm chế tai nạn giao thông; triển khai ký cam kết về thực hiện kiểm soát tải trọng phương tiện đến các doanh nghiệp; chấn chỉnh công tác an toàn giao thông, công tác quản lý, điều hành vận tải... Đây là các chủ trương đúng đắn, tạo ra một số thuận lợi, nhưng đồng thời cũng tạo ra không ít

khó khăn cho các doanh nghiệp vận tải và bến xe khách triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình;

Tình trạng "xe dù, bến cóc" tồn tại nhiều năm trên địa bàn thành phố Pleiku, nhất là vào dịp cuối năm, đã làm ảnh hưởng và gây không ít khó khăn cho hoạt động của Bến xe;

Trước những khó khăn trên, HĐQT đã đề ra những chủ trương giải quyết kịp thời những vướng mắc từ thực tế, nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, tập trung mọi nguồn lực, chủ động đề ra nhiều giải pháp thích hợp để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đã đề ra. Cụ thể như sau:

- Doanh thu đạt 199.350.896.615 đồng, đạt 132,9 % so với kế hoạch năm 2016 và tăng 867,9% so với cùng kỳ năm 2015.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 14.821.447.194 đồng, đạt 79,05 % so với kế hoạch năm 2016 và tăng 168,4 % so với cùng kỳ năm 2015.

- Lợi nhuận sau thuế: thực hiện 11.590.995.349 đồng, đạt 77,2 % so với kế hoạch năm 2016 và tăng 173,4 % so với cùng kỳ năm 2015.

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 834 đồng

Từ kết quả thực hiện kế hoạch năm 2016 cho thấy: Doanh thu vượt 32,9% so với kế hoạch năm 2016 là nhờ nỗ lực của Ban điều hành và đội ngũ CBCNV trong việc đẩy mạnh các hoạt động thương mại dịch vụ và các hoạt động dịch vụ vận tải: Vận động các doanh nghiệp vận tải đưa xe vào bến, giúp tăng trưởng số lượng doanh nghiệp và đầu xe đăng ký hoạt động và từ đó tăng các dịch vụ đi kèm và doanh thu cũng tăng theo 32,9% so với kế hoạch, nhưng chỉ tiêu lợi nhuận không đạt tăng trưởng. Nguyên nhân cơ bản dẫn tới không đạt được chỉ tiêu này là do việc đề ra kế hoạch chi phí chưa thật khách quan và sát với xu hướng thực tế, việc kiểm soát chi phí chưa hiệu quả ... Do vậy, dù chỉ tiêu lợi nhuận trong năm đã vượt 173,4 % so với năm 2015, nhưng đã không hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch năm 2016 đề ra. Tuy nhiên, kết quả đạt được cũng đã thể hiện và phản ánh rõ nét được sự tăng trưởng vượt bậc so với các năm trước.

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành

• Ông Trần Cao Châu: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Sở hữu 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

Tên: Trần Cao Châu



Sinh năm: 01/12/1971
Nơi sinh: Yên Đỗ, TP Pleiku, Gia Lai
Cư trú: 146/1 Nguyễn Văn Cừ, TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai
Điện thoại: 0905443323
Trình độ: Cử nhân quản trị kinh doanh, trung cấp kế toán.

Quá trình công tác:

- Từ 1992 – 1997: Phó bí thư đoàn phường Yên Đỗ, TP Pleiku, tỉnh Gia Lai;
- Từ 1997 - 2001: Phó ban công tác thanh niên thành phố Pleiku tại Thành Đoàn Pleiku;
- Từ 2001 - 2013: Phó Tổng Giám đốc phụ trách đầu tư và kinh doanh các dự án tại các tỉnh khu vực Tây Nguyên, kiêm Giám đốc chi nhánh Gia Lai tại Công ty TNHH Vinh Quang I – TP.Hồ Chí Minh;
- Từ 2013 – 2015: Kinh doanh tự nhân;
- Từ 2015– 2016: Thành viên Ban kiểm soát nội bộ CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

• **Ông Bùi Pháp: Ủy viên Hội đồng quản trị. Đại diện CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai sở hữu 11.287% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Bùi Pháp
Sinh năm: 09/11/1962
Nguyên quán: Huyện Hoài Ân – Tỉnh Bình Định
Cư trú: 03 – Trần Quang Khải – Pleiku – Gia Lai
Điện thoại: (059) 748 789
Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 1995 - 12/06/2007: Giám đốc Xí Nghiệp tư doanh Đức Long Gia Lai.
- Từ 13/06/2007 - 16/01/2010: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- Từ 17/01/2007 – nay : Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

• **Ông Nguyễn Đình Trạc: Ủy viên Hội đồng quản trị. Sở hữu 0.964% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Nguyễn Đình Trạc

Sinh năm: 20/06/1957
Nguyên quán: Nhơn Hòa – An Nhơn – Tỉnh Bình Định
Cư trú: 06B – Trần Cao Vân – Pleiku – Gia Lai
Điện thoại: (059) 747 206
Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 1976 – 1989: Kế toán Lâm trường An Hội, An Khê, Gia Lai
- Từ 1990 – 2001: Kế toán trưởng Cty trồng rừng nguyên liệu công nghiệp Gia Lai
- Từ 2002 – 2004: Giám đốc sản xuất XNTD Đức Long Gia Lai
- Từ 2005 - 05/2007: Trợ lý Giám đốc XNTD Đức Long Gia Lai
- Từ 06/2007 – 16/01/2010: Phó Tổng Giám đốc thường trực CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- Từ 17/01/2010 – 31/12/2013: Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- Từ 1/1/2014 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

• **Ông Phạm Anh Hùng: Ủy viên Hội đồng quản trị. Sở hữu 0% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Phạm Anh Hùng
Sinh năm: 31/10/1972
Nguyên quán: Nghĩa Dũng – Tư Nghĩa – Quảng Ngãi
Cư trú: Tổ 4 – P. Thống Nhất – Tp. Pleiku – tỉnh Gia Lai
Điện thoại: (059). 3829021
Trình độ: Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

- Từ 2000 - 2005: Nhân viên kinh doanh nông sản tại Công ty XNK tỉnh Gia Lai
- Từ 2006 - 2010: Nhân viên kinh doanh nông sản Công ty TNHH An Lạc – IaGrai – Gia Lai
- Từ 11/2010 – 4/2011 : Trợ lý Chủ tịch HĐQT – CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- Từ 4/2011 – nay: Thành viên HĐTV Công ty TNHH khai thác chế biến khoáng sản Đức Sang Gia Lai.

- Từ 1/1/2014 – nay: Tổng giám đốc Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

- Từ 13/05/2014 – 11/6/2015: Chủ tịch HĐQT Công ty CPĐT PTDV CTCC Đức Long Gia Lai.

• **Ông Lê Hoàng Ngọc: Ủy viên Hội đồng quản trị. Sở hữu 0.015% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Lê Hoàng Ngọc

Sinh năm: 04/06/1981

Nguyên quán: Yên Viên – Gia Lâm – Hà Nội

Cư trú: Tổ 3 – P. Trà Bá – Tp. Pleiku – tỉnh Gia Lai.

Điện thoại: (059)3 829 021

Trình độ: Chuyên viên kinh tế.

Quá trình công tác:

Từ 2005 - 2008: Nhân viên Công ty CPĐT PTDV CTCC Đức Long Gia Lai.

Từ 2008 – 2012: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.

Từ 2013 – 9/2014: Giám đốc Công ty CPĐT PTDV CTCC Đức Long Gia Lai.

• **Ông Nguyễn Tường Cột: Giám đốc – Người đại diện pháp luật. Sở hữu 5.717% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Nguyễn Tường Cột

Sinh năm: 10/10/1984

Nguyên quán: Ân Đức, Hoài Ân, Bình Định

Cư trú: Ân Đức, Hoài Ân, Bình Định

Điện thoại: 0972756988

Trình độ: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 2006 – 8/2015: Làm việc tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai;

- Từ 9/2015 – 4/2016: Cán bộ phòng kế hoạch điều độ Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai;

- Từ 5/2016 – nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai.

- **Bà Trần Thị Kim Cúc: Trưởng Ban kiểm soát. Sở hữu 0.015% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Trần Thị Kim Cúc
Sinh năm: 15/07/1982
Nguyên quán: Ân Tường Đông - Hoài Ân- Bình Định
Cư trú: 02 – Đặng Trần Côn– Tp. Pleiku – tỉnh Gia Lai.
Điện thoại: (059)3 829 021
Trình độ: Kế toán viên.

Quá trình công tác:

- Từ 2004-2006: Đi học
- Từ 2006-2009: Nhân viên thu ngân Bến xe Đức Long Gia Lai
- Từ 2009 - nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty

- **Bà Lý Thị Bắc: Thành viên Ban kiểm soát.**

Tên: Lý Thị Bắc
Sinh năm: 07/08/1988
Nguyên quán: Xã Phúc Lương – Huyện Đại Từ – Tỉnh Thái Nguyên
Cư trú: Hà Đông – Đak Đoa– tỉnh Gia Lai.
Điện thoại: 0592.211.564
Trình độ: Đại học

Quá trình công tác:

Nhân viên công ty CPDDTPT DVCTCC Đức Long Gia Lai.

- **Ông Vũ Văn Nghĩa: Thành viên Ban kiểm soát.**

Tên: Vũ Văn Nghĩa
Sinh năm: 20/01/1986
Nguyên quán: Phú Xuyên – Hà Nội
Cư trú: Xã Ia Kha – huyện IaGrai – Gia Lai
Điện thoại: (059)3 829 021
Trình độ: Trung cấp giao thông vận tải.

Quá trình công tác:

- Từ 3/2009 – 11/2012: Nhân viên kế hoạch điều độ Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

- Từ 12/2012 – 2/2014: Nhân viên thanh tra xe buýt Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai
- Từ 3/2014 – 4/2015: Nhân viên kế hoạch điều độ Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai
- Từ 5/2015 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

• **Bà Hà Thị Phương Oanh: Kế toán trưởng. Sở hữu 0.015% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Hà Thị Phương Oanh

Sinh năm: 02/12/1981

Nguyên quán: Hưng Nghĩa – Phước Nghĩa – Tuy Phước – Bình Định

Cư trú: 30/1/26 Trần Quý Cáp – Pleiku – Gia Lai

Điện thoại: (059)3 829 021

Trình độ: Cao đẳng kế toán.

Quá trình công tác:

- Từ 2004 - 2006: Kế toán XNTD Đức Long
- Từ 2006 - nay : Kế toán Công ty CPĐT PTDV CTCC Đức Long Gia Lai.

b) Những thay đổi trong Ban điều hành

• **Về thành viên Hội đồng quản trị**

- Tại Đại hội cổ đông thường niên 2016 của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai diễn ra ngày 17/04/2016, Đại hội đã thống nhất miễn nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị theo đơn xin từ nhiệm tại Đại hội của ông Nguyễn Tân Tiến.

- Tiến hành bầu bổ sung 01 thành viên vào HĐQT nhiệm kỳ 2013-2018 là ông Trần Cao Châu.

• **Thay đổi chức danh lãnh đạo Công ty**

- Theo Quyết định số 04/QĐ-HĐQT-DL1 ngày 21/04/2016 về việc bầu chức danh thành viên HĐQT Công ty. Theo quyết định này, HĐQT công ty thống nhất ông Trần Cao Châu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 21/04/2016.

• **Về thành viên Ban giám đốc.**



- Theo Quyết định số 05/QĐ-HĐQT ngày 06/05/2016 về việc miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty. Theo quyết định này, HĐQT thống nhất miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty đối với ông Chu Sỹ Hoạt kể từ ngày 06/05/2016.

- Theo Quyết định số 06/QĐ-HĐQT ngày 06/5/2016 về việc bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty. Theo quyết định này, HĐQT thống nhất bổ nhiệm ông Nguyễn Tường Cột giữ chức vụ Giám đốc công ty – người đại diện pháp luật và công bố thông tin của DL1 kể từ ngày 06/05/2016.

- Theo Quyết định số 07/QĐ-HĐQT ngày 06/05/2016 về việc bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty. Theo quyết định này, HĐQT thống nhất bổ nhiệm ông Chu Sỹ Hoạt giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 06/05/2016.

c) Chính sách đối với người lao động

Về công tác nhân sự, một mặt Công ty sắp xếp một số nhân sự hiện có, động viên CBCNV đào tạo để nâng cao trình độ để có đủ khả năng đảm nhận công việc theo yêu cầu mới. Mặt khác Công ty tích cực tuyển dụng nhân viên có năng lực, kinh nghiệm để đảm nhận công việc. DLGL INDPS cũng làm tốt công tác đào tạo, tuyển dụng nhân sự cho bộ máy của mình và xây dựng đội ngũ dự bị cho việc quản lý, điều hành các dự án mới. Tính đến 31/12/2016, tổng số nhân sự làm việc trong Công ty là 90 người, trong đó cán bộ quản lý là 23 người. Tuy nhiên việc tuyển dụng các nhân sự quản lý có năng lực còn gặp không ít khó khăn do nguồn cung lao động còn thiếu và sức hút lao động của DLGL INDPS chưa cao.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án lớn

a) Các khoản đầu tư

Công ty đã góp vốn vào Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku 8 tỷ đồng, chiếm 80% vốn điều lệ và trở thành Công ty mẹ của Công ty này.

b) Các công ty con

Hiện nay, Công ty CP ĐTPVDVCTCC ĐLGL đang sở hữu 96,02% cổ phần của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Tây Nguyên và 80% cổ phần Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku. Việc trở thành Công ty mẹ của 2 Công ty này giúp mở rộng được ngành nghề, nâng cao được vị thế và năng lực tài chính, gia tăng được doanh thu, lợi nhuận và tăng lợi ích của cổ đông.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	54.973.955.618	247.452.119.951	+350,13%
2	Doanh thu thuần	20.595.601.937	199.350.896.615	+867,93%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.549.311.982	14.662.026.372	+164,21%
4	Lợi nhuận khác	-27.196.659	159.420.822	+686,18%
5	Lợi nhuận trước thuế	5.522.115.323	14.821.447.194	+168,40%
6	Lợi nhuận sau thuế	4.236.220.994	11.590.995.349	+173,62%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	1.348	834	-38,13%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1	<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	9.15	4.80	
	+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	9.15	3.81	
2	<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
	+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.11	0.23	
	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.12	0.31	
3	<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
	+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	0	4	
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.37	0.81	
4	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.21	0.06	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.09	0.06	

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.08	0.05	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần ...	0.27	0.07	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

- Tổng số cổ phiếu niêm yết: 16.892.488 cổ phiếu (Mười sáu triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, bốn trăm tám mươi tám cổ phiếu)
- Loại cổ phiếu đang lưu hành: cổ phiếu phổ thông. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết: 168.924.880.000 đồng (Một trăm sáu mươi tám tỷ, chín trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng)
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 4.815.858 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 12.076.630 cổ phiếu. (Hạn chế chuyển nhượng đến ngày 01/04/2017)

b) Cơ cấu cổ đông

Tiêu chí phân loại	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Tổng cộng số cổ đông	Tổng cộng số cổ phiếu
Tỷ lệ sở hữu	Cổ đông lớn (từ 5% trở lên)	12	12.421.749	73,534	206	16.892.488
	Cổ đông nhỏ	194	4.470.739	26,466		
Loại cổ đông sở hữu	Cổ đông tổ chức	13	2.143.515	12,689	206	16.892.488
	Cổ đông cá nhân	193	14.748.973	87,311		
Cổ đông khác	Cổ đông trong nước	201	16.638.005	98,494	206	16.892.488
	Cổ đông nước ngoài	5	254.483	1,506		

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 29/07/2016)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Chào bán cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi cổ phần với Công ty Cổ phần

Khoáng sản và luyện kim Tây Nguyên:

Số lượng cổ phiếu phát hành: 12.076.630 cổ phiếu

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông hạn chế chuyển nhượng 1 năm.

Mệnh giá : 10.000 đồng.

- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2015 và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Số lượng cổ phiếu phát hành: 1.673.832 cổ phiếu.

Số lượng cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2015: 836.916 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 836.9166 cổ phiếu

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

a. Chính sách liên quan đến người lao động.

Tính tới thời điểm cuối năm 2016, tổng số nhân sự làm việc tại Công ty là 90 người. Trong đó, HĐQT là 5 người, Ban Giám đốc là 3 người, Ban kiểm soát là 3 người, cùng nhiều cán bộ quản lý khác đảm bảo khả năng quản lý, điều hành và vận hành Công ty.

Công ty luôn đảm bảo mức lương cho từng cán bộ, nhân viên phù hợp với quy định của Nhà nước, đồng thời thực hiện đầy đủ chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế cho tất cả người lao động. Đảm bảo đời sống cho từng nhân viên để họ yên tâm công tác và đóng góp cho sự phát triển bền vững của Công ty.

b. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương.

Là một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực vận chuyển và bến bãi Công ty luôn ý thức rõ trách nhiệm của mình đối với cộng đồng, địa phương. Suốt thời gian từ khi thành lập đến nay, công ty đã góp phần giải quyết vấn đề việc làm đối với nguồn nhân lực tại địa phương. Bên cạnh đó, với quy mô và chiến lược hoạt động rõ ràng Công ty còn giúp ổn định trật tự đối với các phương tiện vận chuyển góp phần vào sự phát triển của tỉnh nhà ngày càng văn minh, lịch sự.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2016, nền kinh tế Việt Nam phục hồi rõ nét và đạt tốc độ tăng trưởng cao so với kế hoạch đề ra và cao hơn nhiều so với cùng kỳ năm trước; lạm phát

giảm xuống mức thấp; Chính phủ đã kịp thời đưa ra các chính sách kích cầu và các chính sách điều hành kinh tế vĩ mô nhằm ổn định nền kinh tế, giúp cho nền kinh tế từng bước phục hồi. Tình trạng suy thoái kinh tế giảm đã giúp các doanh nghiệp giảm bớt khó khăn. Cơ sở hạ tầng đường bộ đã được đầu tư nâng cấp. Tuy nhiên, vẫn còn đó các yếu tố bất lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải, thương mại và khai thác, chế biến khoáng sản, như: Tình trạng cạnh tranh gay gắt giữa các loại hình vận tải, phương tiện vận tải; tình trạng “xe dù, bến cóc” vẫn lộng hành; các hoạt động thương mại có lãi suất rất thấp; các sản phẩm từ chế biến khoáng sản khó tìm thấy đầu ra...; trong đó Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai cũng không là ngoại lệ.

Với tình hình như vậy, trong năm 2016 Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai đã có những thuận lợi, khó khăn như sau:

Thuận lợi:

- Công ty nhận được sự quan tâm hỗ trợ, chỉ đạo sát sao và kịp thời của Hội đồng quản trị về mọi mặt và sự hợp tác giúp đỡ của các đơn vị thành viên;
- Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV của Công ty có sự đoàn kết nhất trí cao, tâm huyết vì mục tiêu phát triển của Công ty;
- Hoạt động kinh doanh của Công ty được mở rộng, không những chỉ cung cấp dịch vụ bến xe bãi đỗ, các dịch vụ kèm theo như cho thuê văn phòng, cho thuê Kiot và kinh doanh thương mại...; mà còn mở rộng đa dạng các ngành nghề kinh doanh khác ngoài ngành nghề truyền thống.

Khó khăn:

- Tình trạng cạnh tranh gay gắt trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty: Thương mại - dịch vụ, bến xe - bãi đỗ, sản xuất - chế biến khoáng sản;
- Hiện tượng một số hãng xe tổ chức đón khách không qua bến, tình trạng xe dù hiện vẫn đang còn phổ biến ở địa bàn thành phố Pleiku là một bài toán nan giải của ngành giao thông vận tải tỉnh Gia Lai, có nhiều doanh nghiệp giải thể do không đủ điều kiện tiếp tục kinh doanh vận tải hành khách...
- Nguồn lực về nhân sự quản lý của Công ty còn bị hạn chế, đội ngũ cán bộ quản lý còn mỏng, năng lực chuyên môn về quản lý còn chưa đáp ứng được với mô hình và quy mô phát triển hiện tại của Công ty.

2. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
1. Cơ cấu tài sản			
- Tài sản cố định/Tổng tài sản	%	43,41	16,60
- Tài sản lưu động/Tổng tài sản	%	55,89	85,54
- Hiệu suất sử dụng TSCĐ	Lần	0,86	5,94
2. Cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	11,04	23,39
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	88,96	76,61
3. Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	9,2	3,8
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	9,2	4,8
4. Tỷ suất lợi nhuận			
- LNTT/Tổng tài sản	%	10,0	6,0
- LNST/Doanh thu thuần	%	20,6	5,8
- LNST/Vốn chủ sở hữu	%	8,7	6,1

- **Tình hình nợ phải trả:** Đối với chỉ số khả năng thanh toán nhanh đạt 3,8% và khả năng thanh toán hiện hành đạt 4,8 lần, cho thấy Công ty hoàn toàn có thể trả ngay tất cả các khoản nợ bằng tiền khi đến hạn và cùng một lúc tất cả các hợp đồng tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Đồng thời các khoản nợ vay, lãi vay được thanh toán nhiều kỳ trong năm. Tuy nhiên các chỉ số này của Công ty hiện nay cao nên Ban điều hành Công ty sẽ có kế hoạch khai thác triệt để thế mạnh về vốn để nâng cao hiệu quả đầu tư trong năm tiếp theo.

- **Tình hình tài sản:** Hiệu suất sử dụng TSCĐ năm 2016 là 5,94 lần. Hiệu suất sử dụng tài sản cố định trên cho thấy khả năng sinh lời TSCĐ hiện đang rất tốt.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

✦ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý:

➤ Kiện toàn tổ chức hoạt động của Công ty, cập nhật, hoàn thiện, điều chỉnh, cải tiến các quy chế, quy định phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty phù hợp với yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh và đầu tư trong từng thời kỳ.

✦ **Các biện pháp kiểm soát:** Trong năm qua, mặc dù tình hình kinh doanh trong lĩnh vực vận tải lĩnh vực cung cấp dịch vụ bến xe bãi đỗ gặp không ít

khó khăn. Tuy nhiên các chỉ tiêu SXKD chính như Doanh thu và Lợi nhuận vẫn được Công ty duy trì và có chỉ số tăng trưởng rất đáng ghi nhận. Kết quả đạt được như trên là do:

- Chủ trương và phương hướng lãnh đạo của Hội đồng quản trị hoàn toàn xuyên suốt và đúng đắn, phù hợp với môi trường kinh doanh và các nguồn lực, điều kiện hiện có của Công ty.
- Lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV của Công ty đã tập trung về mọi mặt để đảm bảo Công ty hoạt động tốt đồng thời khai thác tối đa mọi nguồn lực để đảm bảo Công ty hoạt động liên tục.
- Công ty đã quản lý chặt chẽ các khoản chi phí, kiểm soát toàn bộ quá trình vận hành hệ thống xe buýt... đảm bảo hiệu quả SXKD đạt mức tối ưu.
- Xây dựng quy trình kiểm soát nội bộ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001 : 2000...
- Các nguồn vốn đã được cơ cấu lại một cách hợp lý để giảm đến mức thấp nhất chi phí vốn vay...
- Tích cực hoàn thiện công tác quản lý, chuẩn bị nguồn nhân lực, đẩy mạnh công tác đầu tư, tìm kiếm và phát triển thị trường để tạo tiền đề cho sự phát triển của Công ty trong những năm tiếp theo.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

✦ Các chỉ tiêu chủ yếu trong kế hoạch kinh doanh năm 2017:

- Doanh thu : 220 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN : 20 tỷ đồng
- Tỷ lệ cổ tức dự kiến : 10%

✦ Các căn cứ lập kế hoạch:

- *Công tác kinh doanh:*

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, phát huy thế mạnh của kết quả hoạt động những năm đã qua, đầu tư đổi mới công nghệ, trang thiết bị, quản lý lao động, giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, duy trì các đối tác, khách hàng truyền thống, đồng thời tìm kiếm, mở rộng thị trường ... đảm bảo tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận từ 10 % trở lên so với năm trước.

- *Chiến lược nhân sự và công tác xây dựng bộ máy:*

- Nhân sự luôn là vấn đề nòng cốt và đi đầu cho sự phát triển của Công ty. Chính vì vậy, Ban Giám đốc sẽ tập trung nghiên cứu, đề ra các chính sách để khuyến khích lực lượng cán bộ - nhân viên và cán bộ chủ chốt hiện đang cống

hiển gắn bó với Công ty, đồng thời thực hiện chính sách thu hút nhân tài, nhất là cán bộ cấp cao có đủ năng lực trình độ về làm việc cho Công ty;

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, phân cấp, ủy quyền quản lý, phát huy tính năng động, sáng tạo và tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước Công ty và pháp luật Nhà nước.

- Duy trì và cải tiến các quy trình của hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001: 2000.

- Điều chỉnh, cải tiến các quy chế, quy định phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty phù hợp với yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh và đầu tư trong từng thời kỳ.

➤ *Công tác quản trị tài chính kế toán:*

- Công tác hạch toán kế toán đầy đủ, kịp thời và hiệu quả tuân thủ theo các quy định về hạch toán hiện hành, đảm bảo cân đối được nguồn vốn để triển khai được các dự án của Công ty và cũng để thực hiện thành công chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

- Quan hệ chặt chẽ với các cơ quan chức năng của Nhà nước để nắm bắt kịp thời cơ chế chính sách của Nhà nước đối với hoạt động của Công ty, các định chế tài chính và khách hàng để tư vấn, đem lại hiệu quả cao cho Công ty, đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông cũng như khách hàng. Thực hiện tốt nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước.

➤ *Công tác đầu tư:*

- Tập trung nghiên cứu và thực hiện các dự án bến xe mang thương hiệu **Đức Long Gia Lai** rộng ra khắp cả nước, nghiên cứu kỹ phân kỳ đầu tư theo từng giai đoạn để phù hợp với thực tế và thị trường nhằm đạt hiệu quả cao. Trong năm 2017 - 2018 tập trung vào:

+ Dự án mở tuyến phục vụ vận tải hành khách công cộng;

+ Mở rộng được ngành nghề kinh doanh, nâng cao được vị thế và năng lực tài chính, gia tăng được doanh thu, lợi nhuận và tăng lợi ích của cổ đông.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Với sứ mệnh “**Nâng tầm cao mới, vững tiến xa hơn**” Công ty luôn quan tâm đến vấn đề nguồn nhân lực hàng đầu. Có một nguồn nhân sự tốt mới có thể vận hành bộ máy của Công ty một cách trơn tru và hoàn thành các kế hoạch, mục tiêu đề ra. Công ty luôn đồng hành cùng sự phát triển bền vững, tích cực tham gia

vào các chương trình, phong trào bảo vệ môi trường tại địa phương. Đồng thời tuyên truyền, nâng cao nhận thức đối với từng công nhân viên tại Công ty để xây dựng một môi trường sống và làm việc “xanh, sạch, đẹp”.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Với nhiệm vụ tổ chức sản xuất kinh doanh ngành chính là dịch vụ bãi đỗ đón trả khách, dịch vụ xe buýt, Công ty đã làm tốt chức năng phục vụ nhu cầu đi lại của hành khách và hỗ trợ hoạt động của các doanh nghiệp vận tải.

Công ty đã thực hiện tốt các nội dung sau:

- Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật bến bãi khang trang, hiện đại theo hướng kết hợp giữa khai thác bến xe với khai thác thương mại dịch vụ;
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ hành khách và các doanh nghiệp vận tải; xây dựng thái độ tác phong ứng xử chuẩn mực của CBCNV;
- Tập trung xây dựng thương hiệu, xây dựng Bến Xe Đức Long Gia Lai đạt tiêu chuẩn Bến xe, nhà ga an toàn, văn minh;
- Thực hiện tốt các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường;
- Tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội tại Bến xe trong năm 2016 được giữ vững, không xảy ra vụ việc phức tạp. Công tác phòng cháy chữa cháy được thực hiện tốt, tạo môi trường an toàn, trật tự, nâng cao chất lượng phục vụ hành khách và hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân, đơn vị vận tải hoạt động, góp phần vào sự phát triển kinh tế của địa phương;
- Công ty đã xây dựng quy chế về tổ chức điều hành, thu chi tài chính minh bạch, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhằm tăng cường công tác quản lý, điều hành, giám sát chặt chẽ mọi hoạt động của công ty. Thực hiện tốt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;
- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho tất cả người lao động. Trong năm không có những thay đổi lớn về chính sách đối với người lao động.

So với các doanh nghiệp trên địa bàn, Công ty CP đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai có một tập thể cán bộ lãnh đạo và đội ngũ công nhân viên đoàn kết nhất trí, Công ty đảm bảo công ăn việc làm và đời sống

cho người lao động, duy trì có hiệu quả công tác quản lý và giữ vững uy tín đã gầy dựng từ ngày thành lập đến nay.

Tóm lại, nắm bắt những định hướng trọng tâm và chỉ đạo xuyên suốt của HĐQT DLI, Hội đồng quản trị Công ty luôn quan tâm và tìm biện pháp tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; đồng thời phát huy tiềm năng và khai thác hợp lý các lợi thế của Doanh nghiệp, đầu tư khai thác thị trường mới, sản phẩm mới và không ngừng khẳng định uy tín, chất lượng và thương hiệu, cùng với các Bến xe khác của DLGL Group tạo thành một hệ thống Bến xe tiêu chuẩn loại I của Việt Nam; tạo sức lan tỏa mạnh mẽ đến khu vực và cả nước bằng hệ thống quản lý chuyên nghiệp, dịch vụ hiện đại, phong cách phục vụ văn minh và môi trường văn hóa mang đậm bản sắc DLGL GROUP.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc trong năm 2016 đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ dưới sự chỉ đạo và giám sát của HĐQT trong việc triển khai thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT. Các nội dung chính Ban Giám đốc thực hiện như sau:

- Hoàn thành, nộp và công bố thông tin đúng hạn Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2015; báo cáo tài chính quý IV/2015; báo cáo tài chính quý I, II và III năm 2016; báo cáo tài chính 6 tháng năm 2016 đã được kiểm toán; báo cáo thường niên năm 2015.

- Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên 2016 theo đúng quy định của pháp luật vào ngày 17/04/2016.

- Đôn đốc và giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016 – 2020, trọng tâm kế hoạch năm 2016 với tổng doanh thu 150 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 15 tỷ đồng.

- Công tác giám sát, đánh giá đã giúp Ban Giám đốc điều hành công việc nhất quán và hiệu quả, tuân thủ Điều lệ Công ty nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động sáng tạo của người đứng đầu bộ máy điều hành. Với các cán bộ quản lý khác, HĐQT căn cứ chức danh nhiệm vụ được phân công, đối chiếu với kết quả hoàn thành, làm thước đo để đánh giá, bổ nhiệm điều động vào các vị trí thích hợp và thực hiện chế độ đãi ngộ thỏa đáng. Thực hiện đúng và đầy đủ công tác kiểm toán định kỳ hàng năm.

- Giám sát các hoạt động khác diễn ra trong công ty.



Nhìn chung, Ban Giám đốc Công ty đã làm tốt chức năng, nhiệm vụ được giao; trong quá trình tác nghiệp, chưa phát hiện các vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Công ty, vi phạm pháp luật cũng như những quy tắc, quy chế chung.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Bước vào năm 2017, tình hình thế giới năm 2017 dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp; tốc độ phát triển kinh tế phục hồi chậm, không đồng đều và còn nhiều rủi ro. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi, nền kinh tế vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh còn thấp. Tuy nhiên, bên cạnh đó, những kết quả đạt được của các năm vừa qua của nền kinh tế đất nước là điều kiện thuận lợi và là tiền đề để Công ty đề ra chương trình kế hoạch năm 2017.

Nắm bắt được xu thế và sự khắc nghiệt của nền kinh tế thị trường tác động vào các doanh nghiệp Việt Nam trong giai đoạn mở cửa mạnh mẽ của nền kinh tế, HĐQT và Ban điều hành Công ty đã có những giải pháp và hướng đi mới, kịp thời và phù hợp với xu thế tất yếu của nền kinh tế, đó là: Thống nhất mục tiêu đưa doanh nghiệp phát triển bền vững, đa dạng hoá ngành nghề sản xuất kinh doanh ngoài ngành nghề kinh doanh truyền thống, đẩy mạnh hoạt động liên doanh liên kết và hợp tác đầu tư để huy động các nguồn lực tích cực từ bên ngoài.

Công ty CP ĐTPTDVCTCC DLGL luôn vững tin với những kết quả đạt được, trên tinh thần “nói và làm” HĐQT sẽ cụ thể hóa kịp thời Nghị quyết của Đại hội cổ đông, chỉ đạo quyết liệt Ban Giám đốc bằng những hành động cụ thể, tập trung thật tốt công tác quản lý và triển khai các hoạt động dịch vụ, mở rộng kinh doanh, đảm bảo tăng trưởng và hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận, đáp ứng nhiều hơn nữa niềm kỳ vọng mà cổ đông tin tưởng, giao phó.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Ghi chú
1.	Ông Trần Cao Châu	Chủ tịch	0%	Thành viên độc lập
2.	Ông Bùi Pháp	Ủy viên	Đại diện CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai sở hữu 11.287%	
3.	Ông Nguyễn Đình Trạc	Ủy viên	0.964%	

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Ghi chú
4.	Ông Phạm Anh Hùng	Ủy viên	0%	Thành viên độc lập
5.	Ông Lê Hoàng Ngọc	Ủy viên	0.015%	

b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty chưa thành lập các tiêu ban trực thuộc HĐQT mà chỉ phân công nhiệm vụ để tham mưu.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Trong năm 2016, HĐQT Công ty đã thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã đề ra; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

- Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 12 cuộc họp HĐQT. Qua đó HĐQT đã ban hành được 02 Nghị quyết và 10 Quyết định.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-HĐQT-DL1	07/03/2016	Về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự ĐHCĐ và ngày tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2016.
2	02/QĐ-HĐQT-DL1	24/03/2016	Về việc thay đổi thời gian tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2016.
3	03/QĐ-HĐQT-DLGL	06/04/2016	Về việc tham gia góp vốn và ủy quyền người quản lý vốn góp tại Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku.
4	04/QĐ-HĐQT-DL1	21/04/2016	Về việc phê duyệt chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty
5	05/QĐ-HĐQT	06/05/2016	Về việc miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty.
6	06/QĐ-HĐQT	06/05/2016	Về việc bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty.
7	07/QĐ-HĐQT	06/05/2016	Về việc bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty.

8	08/QĐ-HĐQT-DL1	01/06/2016	Về việc thông qua triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015 và phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
9	09/QĐ-HĐQT-DL1	13/06/2016	Về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức 2015 và nhận cổ phiếu phát hành thêm để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
10	10/QĐ-HĐQT-DL1	19/08/2016	Về việc thông qua nội dung sửa đổi điều 5 của điều lệ Công ty.
11	02/NQ-HĐQT-DL1	26/08/2016	Về việc thông qua niêm yết bổ sung 13.750.462 cổ phiếu tại sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
12	03/NQ-HĐQT-DL1	12/09/2016	Về việc thông qua ngày giao dịch đầu tiên cho số cổ phiếu niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Ngoài các cuộc họp theo định kỳ, Chủ tịch HĐQT thường xuyên tổ chức các cuộc họp hội ý thường trực HĐQT với ban Giám Đốc, đồng thời liên tục trao đổi, thống nhất chủ trương giữa các thành viên HĐQT.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

e) Hoạt động của tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT mà chỉ phân công nhiệm vụ để tham mưu.

2. Ban kiểm soát

a) Thành viên cơ cấu Ban kiểm soát

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Trần Thị Kim Cúc	Trưởng ban	0.015%
2	Lý Thị Bắc	Thành viên	0%
3	Vũ Văn Nghĩa	Thành viên	0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát đã thực hiện các hoạt động: Thẩm định báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính các quý, cả năm của Công ty; kiểm tra việc thực hiện các chuẩn mực kế toán, các kỳ báo cáo tài chính; trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của công ty và tham gia báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông thường niên; Xem xét sổ sách kế toán và các tài liệu liên

quan đến công tác tài chính doanh nghiệp định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu.
Cụ thể như sau :

- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính các quý, năm 2016 của Công ty. Kiểm tra việc thực hiện các chuẩn mực kế toán các kỳ báo cáo tài chính và đột xuất khi có yêu cầu.

- Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của công ty và tham gia báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

- Xem xét sổ sách kế toán và các tài liệu liên quan các công tác tài chính doanh nghiệp định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu.

- Xem xét tính hợp lý các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành trong năm;

- Xem xét, kiểm tra công tác ký kết các hợp đồng kinh tế;

- Xem xét, kiểm tra thực hiện nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và phân chia cổ tức hàng năm;

- Báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

- Chấn chỉnh các nghiệp vụ sai sót do chuyên môn và đề xuất nhiều vấn đề cho công tác quản lý trong toàn Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

- **Mức thù lao và chi phí của Hội đồng quản trị**

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 5.000.000 đồng/tháng.

- Các thành viên Hội đồng quản trị: 2.000.000 đồng/tháng.

- Trường hợp thành viên HĐQT đang kiêm nhiệm làm việc tại Công ty sẽ không nhận thù lao.

- **Mức thù lao của thành viên Ban kiểm soát**

- Trưởng ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/tháng.

- Các thành viên Ban kiểm soát: 2.000.000 đồng/tháng.

- Trường hợp thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm công việc tại Công ty sẽ không nhận thù lao.

- **Ngoài khoản thù lao cố định như trên, căn cứ hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty đề ra đầu năm, thì các thành viên HĐQT, ban kiểm soát sẽ được thưởng:**

- 1% (một phần trăm) tính trên lợi nhuận sau thuế đạt kế hoạch lợi nhuận năm.

- 5% (năm phần trăm) tính trên phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch.

• Trong năm 2016, đã chi thù lao cho Chủ tịch HĐQT là 5.000.000 đồng/tháng. Riêng các thành viên khác tự nguyện không nhận thù lao.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và những người liên quan

Trong năm 2016, cổ đông Võ Duy Phong sở hữu 922.610 cổ phiếu chiếm 6,06% thực hiện các giao dịch cổ phiếu như sau:

- Ngày 06/04/2016, bán 25.600 cổ phiếu DL1 làm giảm số lượng cổ phiếu từ 922.610 cổ phiếu xuống 897.010 cổ phiếu (giảm tỷ lệ từ 6,06% xuống 5,89%)

- Ngày 07/04/2016, mua 29.500 cổ phiếu DL1 làm tăng số lượng cổ phiếu từ 897.010 cổ phiếu lên 926.510 cổ phiếu (tăng tỷ lệ từ 5,89% lên 6,088%)

- Ngày 14/04/2016, bán 30.600 cổ phiếu DL1 làm giảm số lượng cổ phiếu từ 917.810 cổ phiếu xuống 887.210 cổ phiếu (giảm tỷ lệ từ 6,03% xuống 5,83%)

- Ngày 21/04/2016, mua 26.600 cổ phiếu DL1 làm tăng số lượng cổ phiếu từ 887.210 cổ phiếu lên 922.810 cổ phiếu (tăng tỷ lệ từ 5,83% lên 6,06%)

- Ngày 09/06/2016, bán 44.100 cổ phiếu DL1 làm giảm số lượng cổ phiếu từ 914.610 cổ phiếu xuống 870.510 cổ phiếu (giảm tỷ lệ từ 6,01% xuống 5,72%)

Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi giao dịch: 870.510 cổ phiếu chiếm tỷ lệ: 5,72%.

c) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty luôn chấp hành pháp luật về quản trị công ty. Để thực hiện hiệu quả trong hoạt động của công ty trong tương lai, DLGL INDPS tập trung thực hiện các kế hoạch như sau: Nâng cao năng lực quản trị điều hành của Ban lãnh đạo; kiện toàn đội ngũ nhân sự, tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân sự có đủ năng lực chuyên môn và đạo đức lối sống để thực hiện tốt các công việc của Công ty; tăng cường giám sát hoạt động của các phòng ban chuyên môn, thực hiện tiết kiệm, cắt giảm các khoản chi phí không cần thiết để mang lại hiệu quả cao trong công tác sử dụng và nâng cao hiệu quả vốn; chuẩn hóa các quy trình cung cấp dịch vụ, áp dụng công nghệ quản lý hiện đại theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000; tăng cường công tác bảo vệ an ninh để bảo vệ tài sản và cơ sở vật chất kỹ thuật của Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán


CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
 Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hủ Chi, Tp. Đà Nẵng
 Tel: 84.236.3655882; fax: 84.236.3655887
 Email: aac@dlgl.vn.vn
 Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
 47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đore)
 Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
 Tel: 84.8.39102255; Fax: 84.8.39102349
 Email: aac.hcm@dlgl.com.vn

Số: 658/2017/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 25/03/2017, từ trang 5 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu đo gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quỳnh Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 04 năm 2017

Đặng Xuân Lộc – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1324-2014-010-1

Báo cáo này được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính và Thuyết minh báo cáo đính kèm

Trang 4

2. Báo cáo tài chính đã kiểm toán



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT
TRIỂN DỊCH VỤ CÔNG TRÌNH CÔNG
CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		211.665.115.378	30.728.556.184
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	3.484.499.492	1.174.090.626
1. Tiền	111		3.484.499.492	1.174.090.626
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		164.034.821.922	29.033.993.740
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	119.637.425.338	541.204.833
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	5.351.962.043	-
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	37.275.797.861	28.410.121.388
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	1.915.627.560	228.658.399
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(145.990.880)	(145.990.880)
IV. Hàng tồn kho	140	11	43.618.998.401	-
1. Hàng tồn kho	141		43.618.998.401	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		526.795.563	520.471.818
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	526.795.563	520.471.818
2. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		35.787.004.573	24.245.399.434
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		184.400.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	184.400.000	-
II. Tài sản cố định	220		33.662.216.805	23.862.217.936
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	33.578.546.835	23.764.609.216
- Nguyên giá	222		72.447.230.962	36.569.354.167
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.868.684.127)	(12.804.744.951)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	83.669.970	97.608.720
- Nguyên giá	228		219.689.110	170.135.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(136.019.140)	(72.526.280)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.940.387.768	383.181.498
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	694.609.303	383.181.498
2. Lợi thế thương mại	269	15	1.245.778.465	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		247.452.119.951	54.973.955.618

Thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 37 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính này

Trang 5

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
A. Nợ phải trả	300		57.883.439.788	6.067.931.906
I. Nợ ngắn hạn	310		44.063.739.470	3.357.931.906
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	7.479.386.084	269.039.260
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		67.000.000	-
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	17	2.637.397.711	225.583.075
4. Phải trả người lao động	314		553.991.314	278.831.077
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	39.704.031	6.813.139
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	182.371.212	60.310.607
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	6.804.391.057	451.794.681
8. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	320	21.a	25.406.637.994	1.110.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		892.860.067	955.560.067
II. Nợ dài hạn	330		13.819.700.318	2.710.000.000
1. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	338	21.b	13.559.628.300	2.710.000.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	22	260.072.018	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		189.568.680.163	48.906.023.712
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	189.568.680.163	48.906.023.712
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	23	168.924.880.000	31.420.260.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		168.924.880.000	31.420.260.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	23	1.255.735.820	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	23	663.498.805	9.032.658.805
4. Lợi nhuận sau thuế CPP	421	23	11.665.272.995	8.453.104.907
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		83.944.907	4.216.883.913
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.581.328.088	4.236.220.994
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		7.059.292.543	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		247.452.119.951	54.973.955.618



Nguyễn Tường Cốt

Gia Lai, ngày 25 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biểu

Hà Thị Phương Oanh

Thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 37 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính này

Trang 6

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH HỢP NHẤT**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	199.350.896.615	20.595.601.937
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	10		199.350.896.615	20.595.601.937
4. Giá vốn hàng bán	11	25	180.075.977.213	10.443.499.263
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		19.274.919.402	10.152.102.674
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	2.416.746.467	1.468.839
7. Chi phí tài chính	22	27	2.168.254.910	436.705.581
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.168.254.910	436.705.581
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, l.doanh	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	28.a	1.147.603.143	851.183.727
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28.b	3.713.781.444	3.316.370.223
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.662.026.372	5.549.311.982
12. Thu nhập khác	31	29	193.541.419	-
13. Chi phí khác	32	30	34.120.597	27.196.659
14. Lợi nhuận khác	40		159.420.822	(27.196.659)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.821.447.194	5.522.115.323
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	2.970.379.827	1.285.894.329
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		260.072.018	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		11.590.995.349	4.236.220.994
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		11.581.328.088	4.236.220.994
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		9.667.261	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	834	1.348
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		834	1.348



Nguyễn Tường Cột

Gia Lai, ngày 25 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biểu

Hà Thị Phương Oanh

Thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 37 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính này

Trang 7

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.821.447.194	5.522.115.323
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	13, 14, 29	4.161.596.842	2.463.732.430
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	26	(2.416.746.467)	(1.468.839)
- Chi phí lãi vay	06	27	2.168.254.910	436.705.581
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		18.734.552.479	8.421.084.495
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10.360.630.254)	(76.191.110)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.900.227.590)	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.614.033.604)	(934.684.936)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(12.065.361)	(171.492.155)
- Tiền lãi vay đã trả	14	18, 20, 27	(2.032.566.148)	(442.204.404)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(2.388.005.989)	(1.800.000.000)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(62.700.000)	(57.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.635.676.467)	4.938.811.890
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(105.617.200)	(409.442.899)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	8	(21.290.000.000)	(2.598.550.166)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	8	22.070.086.292	695.462.778
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		1.766.234.986	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9, 26	925.310.365	1.468.839
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.366.014.443	(2.311.061.448)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSHH	31	23	(121.000.000)	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	21	3.214.159.890	286.963.333
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	21	(2.513.089.000)	(2.009.559.667)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		580.070.890	(1.722.596.334)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		2.310.408.866	905.154.108
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	1.174.090.626	268.936.518
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tương đương tiền cuối kỳ	70	5	3.484.499.492	1.174.090.626



Nguyễn Tường Cột

Gia Lai, ngày 25 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biểu

HÀ Thị Phương Oanh

Trang 8

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 5900437257 ngày 21/12/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 15 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 20/09/2016). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Dịch vụ vận chuyển hành khách; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu; Đại lý mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ;
- Vận tải khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo tuyến cố định;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng;
- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Bán bán hàng tiêu dùng.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán thức ăn gia súc;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không mua bán gỗ);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ, đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT và BT);

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Chi tiết: Sản xuất thực ăn gia súc;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Mua bán phân bón;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Cát, tạo dáng và hoàn thiện đá.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập bao gồm Công ty và 2 Công ty con. Tất cả các công ty con đã được hợp nhất vào Báo cáo tài chính, không có công ty con nào bị loại khỏi quá trình hợp nhất.

Danh sách các Công ty con được hợp nhất (gồm 2 công ty)

1. Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Tây Nguyên

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô E6 KCN Trà Đa, Xã Trà Đa, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác đá, sỏi, đất sét; Cát tạo dáng và hoàn thiện đá; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai thác quặng kim loại; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.
- Vốn điều lệ: 125.766.300.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 96,02%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 96,02%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

2. Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Không mua bán gỗ); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (Mua bán phân bón); Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 80%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 80%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập tuân thủ theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con.

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty mẹ và các công ty con.

Việc thoái vốn của Công ty mẹ tại công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Nếu thoái vốn mà mất quyền kiểm soát thì các khoản lãi, lỗ phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Loại trừ các giao dịch nội bộ

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.1.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chi tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho, và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 8
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	4,5 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	5

4.7 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	8

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NIẾT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.8 Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phân ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.12 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Khoản chi phí phải trả của Công ty gồm chi phí lãi vay được xác định theo lãi suất thỏa thuận của từng hợp đồng vay, thời gian vay và nợ gốc vay và khoản chi phí tư vấn phát hành phải trả.

4.13 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là khoản tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.17 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.18 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.19 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
 CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
 43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.20 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.21 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - ✓ Hoạt động vận tải khách bằng xe buýt, hoạt động kinh doanh phân bón, hoạt động nông nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - ✓ Hoạt động kinh doanh đá, các dịch vụ khác (cho thuê bãi, dịch vụ bến, bến đỗ, cho thuê xe...): Áp dụng thuế suất 10%;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt	2.794.789.792	944.650.655
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	689.709.700	229.439.971
Cộng	3.484.499.492	1.174.090.626

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai	9.358.448.498	-
Công ty CP Đầu tư Quốc tế Sài Gòn (*)	106.000.000.000	-
Các đối tượng khác	4.278.976.840	541.204.833
Cộng	119.637.425.338	541.204.833

(*) Là khoản phải thu liên quan đến việc chuyển nhượng vốn góp tại các công ty con của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Tây Nguyên cho Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Sài Gòn theo các Hợp đồng chuyển nhượng số 11/HĐCN/2015 ngày 05/06/2015, 12/HĐCN/2015 ngày 05/06/2015, 13/HĐCN/2015 ngày 05/06/2015, 14/HĐCN/2015 ngày 05/06/2015 với giá trị là 106 tỷ đồng.

Trong đó: Phải thu các bên liên quan

Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai - Công ty đầu tư	9.358.448.498	-
Cộng	9.358.448.498	-

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	3.301.779.388	-
Công ty CP Công nghiệp KT và CB đá Tây Nguyên	1.507.200.000	-
Các đối tượng khác	542.982.655	-
Cộng	5.351.962.043	-

Trang 18

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Trả trước cho người bán với các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Công ty đầu tư	3.301.779.388	-
Cộng		3.301.779.388	-

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Cho mượn tiền	37.275.797.861	28.410.121.388
- Bà Võ Thị Thu Hằng	-	15.882.634.000
- Ông Nguyễn Thanh Lâm (*)	860.114.000	924.400.000
- Bà Trần Thị Thu Trang (*)	6.700.000.000	9.700.000.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai	-	1.903.087.388
- Ông Đặng Công Bình (*)	10.800.000.000	-
- Bà Hồ Thị Thu (*)	6.090.000.000	-
- Ông Lê Thanh Tuấn (*)	4.400.000.000	-
- Ông Nguyễn Thanh Hồng (**)	8.425.683.861	-
Cộng	37.275.797.861	28.410.121.388

(*) Cho các cá nhân mượn tiền theo các hợp đồng cho mượn số 63, 64 ngày 01/01/2016, số 89 ngày 19/04/2016, số 92, 100 ngày 21/04/2016. Thời gian cho mượn trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho mượn 7%/năm.

(**) Cho ông Nguyễn Thanh Hồng mượn tiền theo giấy mượn tiền ngày 13/11/2015, thời gian cho mượn tiền là 11 tháng và Phụ lục hợp đồng cho mượn tiền ngày 01/10/2016, thời hạn cho mượn là 12 tháng với lãi suất cho mượn là 7%/năm.

9. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu ông Lê Phú Hà	145.990.880	(145.990.880)	208.558.399	(145.990.880)
Lãi dự thu	1.491.436.102	-	-	-
Tạm ứng	241.914.738	-	20.100.000	-
Phải thu khác	36.285.840	-	-	-
Cộng	1.915.627.560	(145.990.880)	228.658.399	(145.990.880)

Trang 19

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ (ký quỹ môi trường)	184.400.000	-	-	-
Cộng	184.400.000	-	-	-

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

a. Ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	145.990.880	145.990.880
- Từ 3 năm trở lên	145.990.880	-
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	145.990.880
Cộng	145.990.880	145.990.880

b. Nợ xấu

	31/12/2016			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khác - Lê Phú Hà	145.990.880	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
Cộng	145.990.880	-		
	01/01/2016			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khác - Lê Phú Hà	208.558.399	62.567.519	2 - 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
Cộng	208.558.399	62.567.519		

Trang 20

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào giá gốc khoản phải thu trừ đi mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

11. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.998.668.219	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	14.300.000	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	13.819.141.685	-	-	-
Thành phẩm	4.685.272.692	-	-	-
Hàng hóa	18.101.615.805	-	-	-
Cộng	43.618.998.401	-	-	-

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2016.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2016.

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Vé, hóa đơn GTGT kiểm lệnh xuất kho	76.343.939	58.599.495
Chi phí lớp, sắm yếm ô tô	236.642.660	280.565.236
Chi phí bảo hiểm xe ô tô, bảo hiểm thân thể	80.256.484	143.617.509
Chi phí định vị, bảo trì phần mềm, phí đường bộ	22.999.806	34.899.578
Chi phí sửa chữa	97.550.700	-
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	13.001.974	2.790.000
Cộng	526.795.563	520.471.818

b. Dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	82.401.781	3.087.781
Chi phí sửa chữa lớn	612.207.522	380.093.717
Cộng	694.609.303	383.181.498

Trang 21

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	26.656.379.673	-	9.845.574.494	67.400.000	36.569.354.167
Tăng do hợp nhất	13.056.165.923	20.821.368.622	1.784.773.550	109.951.500	35.772.259.595
Đầu XDCB h/ảnh	105.617.200	-	-	-	105.617.200
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	39.818.162.796	20.821.368.622	11.630.348.044	177.351.500	72.447.230.962
Khấu hao					
Số đầu kỳ	7.893.410.503	-	4.843.934.448	67.400.000	12.804.744.951
Tăng do hợp nhất	4.974.321.918	15.824.019.802	925.445.727	99.961.283	21.823.748.730
Khấu hao trong kỳ	1.912.951.825	1.206.964.110	1.110.284.294	9.990.217	4.240.190.446
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	14.780.684.246	17.030.983.912	6.879.664.469	177.351.500	38.868.684.127
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	18.762.969.170	-	5.001.640.046	-	23.764.609.216
Số cuối kỳ	25.037.478.550	3.790.384.710	4.750.683.575	-	33.578.546.835

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2016 là 13.743.002.953 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 11.463.674.367 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Không có các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	170.135.000	170.135.000
Tăng do hợp nhất	49.554.110	49.554.110
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	219.689.110	219.689.110
Khấu hao		
Số đầu kỳ	72.526.280	72.526.280
Tăng do hợp nhất	49.554.110	49.554.110
Khấu hao trong kỳ	13.938.750	13.938.750
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	136.019.140	136.019.140
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	97.608.720	97.608.720
Số cuối kỳ	83.669.970	83.669.970

- Không có TSCĐ vô hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2016.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 108.179.110 đồng.

15. Lợi thế thương mại

	31/12/2016	01/01/2016
Lợi thế thương mại đầu kỳ	-	-
Lợi thế thương mại phát sinh trong kỳ	1.346.787.530	-
Lợi thế thương mại phân bổ trong kỳ	101.009.065	-
Lợi thế thương mại cuối kỳ	1.245.778.465	-

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên	697.230.500	-
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	3.446.781.300	-
Công ty CP Gỗ Hoàng Anh	1.300.629.000	-
Công ty TNHH SX và DVTM Quyên Anh	724.767.500	-
Các đối tượng khác	1.309.977.784	269.039.260
Cộng	7.479.386.084	269.039.260

Trang 23

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Công ty đầu tư	3.446.781.300	-
Cộng		3.446.781.300	-

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Thay đổi do hợp nhất	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	87.977.570	1.834.363.753	1.795.041.381	(86.220.791)	41.079.151
Thuế thu nhập doanh nghiệp	137.605.505	2.970.379.827	2.388.005.989	478.945.464	1.198.924.807
Thuế thu nhập cá nhân	-	640.016	640.016	-	-
Thuế tài nguyên	-	56.037.380	180.191.345	161.953.965	37.800.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.044.694.470	984.697.469	15.275.970	75.272.971
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí và lệ phí	-	14.400.000	40.000.000	1.309.920.782	1.284.320.782
Cộng	225.583.075	5.923.515.446	5.391.576.200	1.879.875.390	2.637.397.711

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Lãi vay phải trả	39.704.031	6.813.139
Cộng	39.704.031	6.813.139

19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	182.371.212	60.310.607
Cộng	182.371.212	60.310.607

Trang 2/4

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
Kinh phí công đoàn	1.403.318	-
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	207.637.300	2.665.600
Phải trả khác	6.595.350.439	449.129.081
- Cổ tức phải trả	6.149.182.132	109.000
- Tiền đặt cọc thuê đất, bến bãi, tiền cọc của nhân viên	333.849.940	406.136.640
- Lãi vay phải trả	102.797.870	-
- Phải trả khác	9.520.497	42.883.441
Cộng	6.804.391.057	451.794.681

21. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng do hợp nhất	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Các khoản mượn tiền ngắn hạn	-	13.171.567.104	3.214.159.890	53.089.000	16.332.637.994
- Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	-	13.171.567.104	3.214.159.890	53.089.000	16.332.637.994
Vay dài hạn đến hạn trả	1.110.000.000	1.350.000.000	9.074.000.000	2.460.000.000	9.074.000.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Gia Lai	150.000.000	-	150.000.000	150.000.000	150.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Sở Giao dịch	960.000.000	-	960.000.000	960.000.000	960.000.000
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Gia Lai	-	1.350.000.000	7.964.000.000	1.350.000.000	7.964.000.000
Cộng	1.110.000.000	14.521.567.104	12.288.159.890	2.513.089.000	25.406.637.994

(*) Mượn tiền của Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai theo Hợp đồng mượn tiền ngày 08/01/2016, lãi suất 0,5%/năm, thời hạn mượn là 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng do hợp nhất	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn	3.820.000.000	21.273.628.300	-	2.460.000.000	22.633.628.300
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Gia Lai (1)	300.000.000	-	-	150.000.000	150.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Sở Giao dịch (2)	3.520.000.000	-	-	960.000.000	2.560.000.000
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Gia Lai (3)	-	21.273.628.300	-	1.350.000.000	19.923.628.300
Cộng	3.820.000.000	21.273.628.300	-	2.460.000.000	22.633.628.300
Trong đó:					
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	1.110.000.000				9.074.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.710.000.000				13.559.628.300

(1) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai theo Hợp đồng số 1682/HĐCV/PN/TCB-PLU ngày 26/12/2013 để mua ô tô phục vụ mục đích đi lại. Theo đó, tổng số tiền vay là 600.000.000 đồng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, thời hạn vay tối đa là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 27/12/2013), lãi suất theo Hợp đồng là 13,9%/năm, được cố định trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu và sẽ được điều chỉnh từ tháng thứ 4 trở đi.

(2) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quốc dân – Sở giao dịch theo Hợp đồng tín dụng số 051/14/HĐTD/101-63 ngày 20/08/2014 để mua ô tô 4 chỗ Land Rover phục vụ mục đích đi lại và kinh doanh. Theo đó, tổng số tiền vay là 4.800.000.000 đồng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, thời hạn vay tối đa là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 20/08/2014), lãi suất vay kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 9,5%/năm, được thay đổi sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên hoặc khi có sự thay đổi các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến lãi suất vay mà các thay đổi đó làm cho lãi suất vay (có thể được áp dụng theo quy định của pháp luật) tăng lên.

(3) Vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai theo các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 01/2009/HĐ ngày 26/10/2009 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2013/BSHD ngày 16/10/2013. Mục đích vay là để đầu tư Dự án mở rộng nhà máy khai thác và chế biến đá Granit. Hạn mức vay là 4.900.000.000 đồng, thời hạn vay là 120 tháng (từ ngày 26/10/2009 đến ngày 26/10/2019), lãi suất vay được xác định bằng lãi suất FTP bán vốn kỳ hạn 120 tháng do Hội sở chính Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thông báo từng thời kỳ cộng phí Ngân hàng là 3,2%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐ ngày 29/04/2011 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2013/BSHD ngày 16/10/2013. Mục đích vay là để đầu tư công trình mở rộng nhà máy chế biến đá Đức Long Gia Lai. Hạn mức vay là 11.235.000.000 (thời hạn vay là 132 tháng, từ ngày 29/04/2011 đến ngày 29/04/2022), lãi suất vay được xác định bằng lãi suất FTP bán vốn kỳ hạn 132 tháng do Hội sở chính Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thông báo từng thời kỳ cộng phí Ngân hàng là 3,2%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng, lãi suất quá

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

- Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2013/BSHD ngày 16/10/2013 sửa đổi các hợp đồng tín dụng số 03/2011/HĐ ngày 28/07/2011, hợp đồng tín dụng số 05/2011/HĐ ngày 14/09/2011, hợp đồng tín dụng số 08/2011/HĐ ngày 26/10/2011, hợp đồng tín dụng số 09/2011/HĐ ngày 26/10/2011, hợp đồng tín dụng số 10/2011/HĐ ngày 28/10/2011, hợp đồng tín dụng số 11/2011/HĐ ngày 01/11/2011 và hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ ngày 22/03/2012. Mục đích vay là để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay là 69 tháng kể từ thời điểm giải ngân, lãi suất vay được xác định bằng lãi suất FTP bán vốn kỳ hạn 69 tháng do Hội sở chính Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thông báo từng thời kỳ cộng phí Ngân hàng là 2,8%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

c. Vay và nợ thuê tài chính với các bên liên quan

Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
Các khoản mượn tiền ngắn hạn	16.332.637.994	-
- Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai Công ty đầu tư	16.332.637.994	-
Cộng	16.332.637.994	-

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

	31/12/2016	01/01/2016
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	260.072.018	-
Cộng	260.072.018	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2015	31.420.260.000	-	9.032.658.805	4.216.883.913	44.669.802.718
Tăng trong kỳ	-	-	-	4.236.220.994	4.236.220.994
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	<u>31.420.260.000</u>	<u>-</u>	<u>9.032.658.805</u>	<u>8.453.104.907</u>	<u>48.906.023.712</u>
Số dư tại 01/01/2016	31.420.260.000	-	9.032.658.805	8.453.104.907	48.906.023.712
Tăng trong kỳ	137.504.620.000	1.376.735.820	-	11.581.328.088	150.462.683.908
Giảm trong kỳ	-	121.000.000	8.369.160.000	8.369.160.000	16.859.320.000
Số dư tại 31/12/2016	<u>168.924.880.000</u>	<u>1.255.735.820</u>	<u>663.498.805</u>	<u>11.665.272.995</u>	<u>182.509.387.620</u>

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	19.067.200.000	17.177.680.000
Vốn góp của các cổ đông khác	149.857.680.000	14.242.580.000
Cộng	<u>168.924.880.000</u>	<u>31.420.260.000</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2016	Năm 2015
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	31.420.260.000	31.420.260.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	137.504.620.000	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	168.924.880.000	31.420.260.000
Cổ tức đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.892.488	3.142.026
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.892.488	3.142.026
- Cổ phiếu phổ thông	16.892.488	3.142.026
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.892.488	3.142.026
- Cổ phiếu phổ thông	16.892.488	3.142.026
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	8.453.104.907	4.216.883.913
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	11.581.328.088	4.236.220.994
Phân phối lợi nhuận	8.369.160.000	-
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	8.369.160.000	-
+ Trả cổ tức bằng cổ phiếu	8.369.160.000	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	11.665.272.995	8.453.104.907

f. Cổ tức

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 17/04/2016 đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 5,5% và thưởng bằng cổ phiếu cho cổ đông có tên tại ngày chốt danh sách với tỷ lệ 5,5%. Công ty đã thực hiện trả cổ tức và thưởng bằng cổ phiếu trong năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015	CC T. HTD A 1/2/
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	12.595.369.642	9.167.562.725	
Doanh thu dịch vụ bến bãi	15.979.275.811	11.428.039.212	
Doanh thu bán đậu nành	7.587.645.000	-	
Doanh thu bán đá	99.170.092.162	-	
Doanh thu bán phân bón	64.018.514.000	-	
Cộng	199.350.896.615	20.595.601.937	

25. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	6.336.636.442	7.193.954.629
Giá vốn dịch vụ bến bãi	4.209.926.063	3.249.544.634
Giá vốn bán đậu nành	7.542.210.000	-
Giá vốn bán đá	98.180.531.708	-
Giá vốn bán phân bón	63.806.673.000	-
Cộng	180.075.977.213	10.443.499.263

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi	4.409.850	1.468.839
Lãi cho vay	2.412.336.617	-
Cộng	2.416.746.467	1.468.839

27. Chi phí tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí lãi vay	2.168.254.910	436.705.581
Cộng	2.168.254.910	436.705.581

Trang 30

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nhân công	1.026.162.552	724.628.619
Các khoản khác	121.440.591	126.555.108
Cộng	1.147.603.143	851.183.727

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2016	Năm 2015
Phân bổ lợi thế thương mại	101.009.065	-
Chi phí nhân công	1.834.522.023	1.373.135.758
Chi phí khấu hao	804.133.950	972.175.154
Các khoản khác	974.116.406	971.059.311
Cộng	3.713.781.444	3.316.370.223

29. Thu nhập khác

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi từ giao dịch mua rẻ công ty con	193.541.419	-
Cộng	193.541.419	-

30. Chi phí khác

	Năm 2016	Năm 2015
Các khoản phạt thuế, phạt chậm nộp	20.428.089	10.104.846
Các khoản khác	13.692.508	17.091.813
Cộng	34.120.597	27.196.659

Trang 31

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016	Năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.821.447.194	5.522.115.323
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	30.451.938	322.858.900
- Điều chỉnh tăng	1.561.765.839	322.858.900
+ Các khoản phạt thuế và nộp phạt khác	20.428.089	97.884.364
+ Phân bổ lợi thế thương mại	101.009.065	-
+ Lỗ tại Công ty con	1.385.386.177	-
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	54.942.508	224.974.536
- Điều chỉnh giảm	1.531.313.901	-
+ Lãi từ giao dịch mua và công ty con	193.541.419	-
+ Điều chỉnh dự phòng đã trích lập	1.300.360.089	-
+ Chuyển lỗ của các công ty con	37.412.393	-
Tổng thu nhập chịu thuế	14.851.899.132	5.844.974.223
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.970.379.827	1.285.894.329
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	2.970.379.827	1.285.894.329
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

32. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	11.581.328.088	4.236.220.994
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.581.328.088	4.236.220.994
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	13.889.829	3.142.026
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	834	1.348

(*) Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi. Kế hoạch đại hội cổ đông của Công ty không quy định tỷ lệ trích cụ thể. Hằng năm, căn cứ vào kết quả kinh doanh đạt được, Ban điều hành sẽ đề xuất số tiền trích quỹ khen thưởng phúc lợi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
 CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
 43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.833.136.900	4.402.482.144
Chi phí nhân công	4.567.405.615	3.526.930.734
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.254.129.196	2.463.732.430
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.779.815.466	2.445.443.185
Chi phí khác bằng tiền	1.958.988.648	1.772.464.720
Cộng	19.393.475.825	14.611.053.213

34. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng việc ra các quyết định quan trọng của Công ty phụ thuộc chủ yếu vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ mà Công ty đang kinh doanh. Do đó, Công ty trình bày Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Báo cáo bộ phận phân biệt theo lĩnh vực kinh doanh:

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh	Dịch vụ vận chuyển và bán bãi		Bán đá		Bán đầu mành, phân bón		Cộng	
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.574.645.453	20.595.601.937	99.170.092.162	-	71.606.159.000	-	199.350.896.615	20.595.601.937
Giá vốn hàng bán	10.546.562.505	10.443.499.263	98.180.531.708	-	71.348.883.000	-	180.075.977.213	10.443.499.263
Lợi nhuận gộp của bộ phận kinh doanh	18.028.082.948	10.152.102.674	989.560.454	-	257.276.000	-	19.274.919.402	10.152.102.674
Doanh thu HD tài chính	2.860.044	1.468.839	667.159	-	882.617	-	2.416.746.467	1.468.839
- Lợi tức gửi ngân hàng	2.860.044	1.468.839	667.159	-	882.617	-	4.409.850	1.468.839
- Lợi cho các cá nhân vay	-	-	-	-	-	-	2.412.336.617	-
Chi phí tài chính	347.051.069	436.705.581	1.821.203.841	-	-	-	2.168.254.910	436.705.581
Chi phí bán hàng	1.080.704.794	851.183.727	66.898.349	-	-	-	1.147.603.143	851.183.727
Chi phí quản lý DN	2.766.573.952	3.316.370.223	830.067.076	-	117.140.416	-	3.713.781.444	3.316.370.223
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	13.836.613.177	5.549.311.982	(1.727.941.623)	-	141.018.201	-	14.662.026.372	5.549.311.982
	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản cố định hữu hình	21.575.393.330	23.764.609.216	12.003.153.505	-	-	-	33.578.546.835	23.764.609.216
- Nguyên giá	36.674.971.367	36.569.354.167	35.772.259.595	-	-	-	72.447.230.962	36.569.354.167
- Hao mòn lũy kế	(15.099.578.037)	(12.804.744.951)	(23.769.106.090)	-	-	-	(38.868.684.127)	(12.804.744.951)
Tài sản cố định vô hình	83.669.970	97.608.720	-	-	-	-	83.669.970	97.608.720
- Nguyên giá	170.135.000	170.135.000	49.354.110	-	-	-	219.689.110	170.135.000
- Hao mòn lũy kế	(86.465.030)	(72.526.280)	(49.354.110)	-	-	-	(136.019.140)	(72.526.280)
Phải thu khách hàng	663.325.078	541.204.833	3.092.106.762	-	9.881.993.498	-	13.637.425.338	541.204.833
Trả trước cho người bán	3.376.779.388	-	1.975.182.655	-	-	-	5.351.962.043	-
Phải trả người bán	175.881.051	269.039.260	7.303.505.033	-	-	-	7.479.386.084	269.039.260

Trang 34

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
 CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
 43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Do đó, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa đầu vào. Nguyên liệu đầu vào của công ty chủ yếu là xăng dầu và các sản phẩm liên quan đến việc sửa chữa thay thế các bộ phận của xe vận chuyển. Hàng hóa của Công ty là các sản phẩm đá, đậu nành, phân bón. Giá bán xăng dầu không có sự chênh lệch giữa các nhà cung cấp. Đối với việc sửa chữa thay thế các bộ phận của xe vận chuyển, Công ty có chính sách khảo sát giá của nhiều nhà cung cấp khác nhau, sau đó lựa chọn nhà cung cấp phù hợp. Đối với hàng hóa (đá, đậu nành, phân bón), Công ty thực hiện ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hóa nguồn cung cấp của Công ty. Do đó, Ban Giám đốc Công ty nhận thấy không có rủi ro trọng yếu đối với việc thay đổi giá nguyên vật liệu, hàng hóa đầu vào.

Quản lý rủi ro tín dụng

Đối với hoạt động thương mại bán hàng hóa, Công ty lựa chọn khách hàng lớn, có uy tín. Đối với hoạt động kinh doanh vận chuyển xe buýt, dịch vụ bến xe có đặc thù thu tiền ngay, do đó, Ban Giám đốc Công ty cho rằng rủi ro tín dụng với khách hàng của Công ty ở mức kiểm soát được.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<u>31/12/2016</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	7.479.386.084	-	7.479.386.084
Chi phí phải trả	39.704.031	-	39.704.031
Vay và nợ thuê tài chính	25.406.637.994	13.559.628.300	38.966.266.294
Phải trả khác	6.595.350.439	-	6.595.350.439
Cộng	39.521.078.548	13.559.628.300	53.080.706.848
<u>01/01/2016</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	269.039.260	-	269.039.260
Chi phí phải trả	6.813.139	-	6.813.139
Vay và nợ thuê tài chính	1.110.000.000	2.710.000.000	3.820.000.000
Phải trả khác	449.129.081	-	449.129.081
Cộng	1.834.981.480	2.710.000.000	4.544.981.480

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<u>31/12/2016</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.484.499.492	-	3.484.499.492
Phải thu khách hàng	119.637.425.338	-	119.637.425.338
Phải thu về cho vay	37.275.797.861	-	37.275.797.861
Phải thu khác	1.527.721.942	184.400.000	1.712.121.942
Cộng	161.925.444.633	184.400.000	162.109.844.633
<u>01/01/2016</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.174.090.626	-	1.174.090.626
Phải thu khách hàng	541.204.833	-	541.204.833
Phải thu về cho vay	28.410.121.388	-	28.410.121.388
Phải thu khác	62.567.519	-	62.567.519
Cộng	30.187.984.366	-	30.187.984.366

36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

37. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2016	Năm 2015
Bán hàng Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Cho thuê xe	512.727.276	336.727.268
	Bán đá	96.765.042.500	-
	Bán phân bón	79.094.434.000	-
Mua hàng Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Thuê xe buýt	441.000.000	402.000.000
	Thuê kí ốt	599.280.000	142.560.000
	Mua dầu nhờn	8.872.710.000	-

c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VNĐ
Lương Ban Giám đốc	382.013.055	307.935.236

38. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi AAC.



Nguyễn Tường Cột

Gia Lai, ngày 25 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biên

Hà Thị Phương Oanh

KẾT LUẬN

Năm 2016 vừa qua, với những biến động của nền kinh tế; các cơ chế, chủ trương đầu tư cơ sở hạ tầng ngành giao thông của Chính phủ; sự cạnh tranh gay gắt của các loại hình vận tải cùng với việc thị trường giá nhiên liệu liên tục được điều chỉnh đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động ngành dịch vụ vận tải. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và toàn thể CBCNV Công ty CP ĐTPT DV CTCC ĐLGL đã cùng chung sức, phát huy thế mạnh, vượt qua khó khăn, đạt được những kết quả đáng ghi nhận như đã được trình bày trong báo cáo.

Nhìn lại một năm đã qua, những bài học được đúc kết kinh nghiệm cho con đường phát triển của Công ty CP ĐTPT DV CTCC ĐLGL, HĐQT và Ban Lãnh đạo cùng Tập thể CBCNV nhận thấy còn rất nhiều công việc phải làm trong năm 2017 cũng như các năm tới. Tập thể Công ty với một tinh thần đoàn kết, cùng nhau quyết tâm hoàn thành xuất sắc kế hoạch giai đoạn 2016-2020 để hiện thực hoá tầm nhìn: “DL1 trở thành doanh nghiệp phát triển bền vững và đa dạng hoá ngành nghề sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh hoạt động liên doanh liên kết, hợp tác đầu tư để huy động tốt nhất các nguồn lực từ bên ngoài”.

Ngoài lĩnh vực kinh doanh bến xe, bãi đỗ vận tải hành khách thì Công ty CP ĐTPT DV CTCC ĐLGL đang chú trọng mở rộng phát triển bền vững, đa dạng hoá ngành nghề sản xuất kinh doanh ngoài ngành nghề kinh doanh truyền thống. Tích cực hoàn thiện công tác quản lý, chuẩn bị nguồn nhân lực, đẩy mạnh công tác đầu tư, tìm kiếm và phát triển thị trường để tạo tiền đề cho sự phát triển của Công ty trong những năm tiếp theo.

Rất mong quý cổ đông và nhà đầu tư chia sẻ và ủng hộ cho HĐQT và ban lãnh đạo Công ty để từng bước vượt qua khó khăn hiện tại, tạo tiền đề vững chắc để phát triển bền vững trong năm 2017 và những năm tiếp theo ./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Tường Cột